

Đồng Cư trú với các Quần cư sơ khai (30.000-7.000 năm): Hình thành cấu trúc nhóm các nhóm thị tộc bộ tộc, tập hợp thành các bộ lạc sơ khai cùng cư trú tại các vùng thung lũng sơn khối đá vôi - cư dân Văn hóa Hòa Bình - và hang động sơn khối đá vôi (cư dân Văn hóa Bắc Sơn) cùng một số nhóm cư dân về hướng biển (cư dân nhóm quần cư di tích Soi Nhụ và các đảo kế cận tại Vịnh Hạ Long).

Quá trình Chiếm cư khai mở với Quần cư xuyên cảnh quan - sinh thái (7.000-4.000 năm): các bộ lạc quen với hệ sinh thái rừng rậm nhiệt đới hàng chục ngàn năm, do áp lực nước của các đợt biển tiến biển lùi Holocene đã lan toả theo diện rộng khám phá và khai thác các vùng sinh thái đa dạng chưa từng quen thuộc trước đó. (Cư dân Văn hóa Đa Bút - quần cư gò đất cao đồng bằng - đồng bằng trước núi, ven biển; Cư dân Cái Bèo - quần cư ven biển nhưng đánh bắt xa bờ biển khơi đầu tiên; Cư dân Quỳnh Văn - quần cư ven vịnh biển, Cư dân Văn hóa Hạ Long - quần cư dựng cát ven biển; Cư dân Bàu Tró - quần cư ven bờ bàu nước ngọt giữa cồn cát; Cư dân Bàu Dũ - quần cư ven rừng cổ ngập mặn ven biển...). Giai đoạn này đã phát sinh các quần cư bộ lạc đa sinh thái, tiến hóa bước phân công kinh tế xã hội đầu tiên của con người trên đất Việt Nam.

Quá trình Quần cư tái hội tụ (3.000-2.000 năm): Các bộ lạc phát triển khắp các vùng lãnh thổ ngày càng lớn mạnh, tự động liên kết với nhau để phát triển, tạo thành mạng liên bộ lạc (Văn hóa Đông Sơn Sông Hồng, Văn hóa Đông Sơn Sông Mã, Văn hóa Đông Sơn Sông Cả) hướng về các trung tâm phát triển nhất - hạt nhân của các nền văn hóa Đông Sơn - hội tụ về các nhà nước) đại diện của các nền Văn hóa tiền sử cận sơ sử: Nhà nước Văn Lang, Nhà nước Âu Lạc. Văn hóa Bàu Dũ, Lung Leng, Biển Hồ... hội tụ về Văn hóa Sa Huỳnh hướng tới Nhà nước Chăm Pa. Sau Công nguyên, các Văn hóa muộn hơn phát sinh tại vùng Nam bộ ngày nay tại vùng Đồng Nai, vùng ngập mặn trũng cửa sông Cửu Long... hội tụ về Văn hóa Óc Eo, hướng về Nhà nước Phù Nam sau Công nguyên). (18, H2)

CÁC LÝ THUYẾT ĐƯA VÀO TÍCH HỢP ĐA BIẾN

Ba quá trình sinh tồn đã kích hoạt nhu cầu trú ẩn - nguyên lý về mối liên quan giữa mục đích sinh con và tránh bị ăn thịt với quá trình tiến hóa giấc ngủ và hành vi xây tổ của tổ tiên Homo.

Trong suốt hàng triệu năm sinh tồn của động vật bộ Linh trưởng, các nhánh vượn nhân hình cho đến các dòng dõi Homo tiến hóa, một nửa thời gian ấy là ban đêm > giấc ngủ. Có thể nhịn ăn, thiếu ăn...nhưng không một động vật nào có thể bỏ qua giấc ngủ. Nhưng giấc ngủ đồng nghĩa với nhắm mắt> mất tầm nhìn; bất động> mất trương lực cơ..., đồng nghĩa với cái chết, là một thử thách sinh tồn hệ trọng trước sự đe dọa của động vật săn mỗi ban đêm dày đặc trong hoang dã. Vì không thể từ bỏ giấc ngủ mà loài linh trưởng và các dòng dõi Hominin đã phải tiến hóa giấc ngủ. Đó là xuất hiện giấc ngủ REM đồng thời cùng giấc ngủ sóng chậm NON-REM. Kết quả của REM là giảm chi phí thời gian cho giấc ngủ, làm mới, chọn lọc và tăng cường chất lượng bộ nhớ, làm cơ sở cho các hành vi hiện đại, trong đó có các hành vi không gian sẽ đề cập ở phần sau.

Bảo tồn nguồn gen đồng nghĩa với trách nhiệm nặng nề của bà mẹ Linh trưởng phải tự thân sinh con và nuôi con trong hoang dã. Cạnh tranh với động vật ăn thịt khi là người đi săn, nhưng họ cũng chính là con mồi của thú ăn thịt. Họ chỉ có hai khả năng tự vệ: Phương tiện tự thân (la hét, bỏ chạy; tiến hóa siêu kích thước...) và phương tiện ngoài thân (biểu hiện vật thể: gốc cây để trốn tránh, vách đá để ẩn nấp... + biểu hiện phi vật thể: tăng kích thước nhóm (Group Size), tăng mật độ nhân khẩu (Member Density), tiến thân không gian tích tụ mảnh vụn. Một số công trình khoa học đã nghiên cứu giả thiết về các hominin tại châu Phi ngủ trên mặt đất ban đầu đã đối phó với mối đe dọa ghê gớm này bằng cách sử dụng các công cụ bằng đá để sửa đổi cành keo gai thành "bomas" - chuồng gai cung cấp nơi trú ẩn vào ban đêm. Khả năng của hominin tạo ra nơi trú ẩn hàng đêm của riêng họ trên mặt đất bất cứ nơi nào có loài cây gai Acacia spp, một bước quan trọng trong việc tiếp tục tiến hóa hành vi cư trú của hominin trên khắp châu Phi và sau đó thiên di ra thế giới. (1, 37, 38, 18, 16, 21, 32)

Phương pháp tái thiết cấu trúc xã hội tiền sử

Trong phương thức tái thiết cấu trúc xã hội tiền sử bao gồm nhiều bước, trong đó có hai bước quan trọng thiết yếu:

Bước tái dựng mô hình theo chu kỳ tiến hóa khách quan

Dựa trên Lý thuyết 4 thế hệ Nhân loại của Strauss và hàng trăm mô hình các nền văn minh lớn nhỏ trên khắp thế giới lý thuyết 3,5 nhịp cơ bản được biểu thị bằng biểu đồ của cấp độ xã hội các nền văn minh của của Toynbee (và các nhà sử học khác) quan sát vận dụng hiện tượng dao động như định kỳ chu kỳ là phổ biến trong vật lý. Lý thuyết này mô tả một nền văn minh đang xây dựng đến đỉnh cao, bị sụp đổ và sau đó dao động xuống mức thấp nhất ở mức tĩnh, cách tiếp cận đơn giản nhất là sử dụng bộ Lý thuyết dao động điều hòa tắt dần. Trong thực tế, hãy tưởng tượng một chiếc chuông lớn được ấn một lực ban đầu và kêu vang liên tục nhưng di chuyển với tốc độ giảm dần dao động cho đến khi dừng lại. Các nền văn minh đều xuất hiện và hoạt động theo quy luật dao động và tắt dần theo quy luật 3,5 chu kỳ như vậy. Tuy nhiên, nhược điểm của Lý thuyết này là coi các nền văn minh độc lập và tuyến tính, khi dao động của nền văn minh tắt dần có nghĩa là nền văn minh đó kết thúc. Theo cách nhìn của phương thức tiến hóa, từ trong tàn dư đã xuất hiện một nền văn minh khác, hoặc chưa kết thúc nhưng đã chuyển hướng sang hệ tọa độ khác. Tuy nhiên, trong thực tế tiến hóa của nhân loại, một nền văn minh nào đó có thể kết thúc, nó kết thúc theo một phương thức cũ, trong một hệ quy chiếu cũ đã lỗi thời.

Vì vậy từ trong nó đã luôn manh nha mầm mống ra đời một phương thức mới, một hệ quy chiếu mới của một nền văn minh mới, lúc đầu có thể còn thô sơ nhưng vẫn trải qua 3,5 nhịp trên hệ quy chiếu mới. Đó là mặt ưu việt của nghiên cứu thông qua quá trình tiến hóa khách quan trong lịch sử thực chứng. (18)

Bước tái dựng lại nền tảng nhận thức ban đầu của con người

Nỗ lực phân định tác động của văn hóa đối với sự xuất hiện, tiến hóa và định hình những gì làm cho nhận thức của con người trở nên độc đáo, đã phải đối mặt với một thách thức lớn: kỹ năng nhận thức của tổ tiên loài người không để lại dấu vết trực tiếp trong hồ sơ khảo cổ học và do đó cần bổ sung

BA CÁCH TIẾP CẬN TÁI DỰNG QUÁ KHỨ THÔNG QUA THAO TÁC TÍCH HỢP ĐA BIẾN	>>>> TÁI TẠO LẠI NHẬN THỨC QUÁ KHỨ LIÊN QUAN ĐẾN "HOẠT ĐỘNG TRONG QUÁ KHỨ" / RECONSTRUCTING COGNITION INVOLVED IN "PAST ACTIVITIES"
	>>>> TÁI TẠO "NHẬN THỨC QUÁ KHỨ" BẰNG PHÉP NGOẠI SUY / RECONSTRUCTING "PAST COGNITION" BY EXTRAPOLATION
	>>>> TÁI TẠO "NHẬN THỨC QUÁ KHỨ" TỪ SỰ ĐA DẠNG HIỆN TẠI / RECONSTRUCTING "PAST COGNITION" FROM PRESENT DIVERSITY

Hình 3: Nguyên lý tái dựng quá khứ

Nguồn: TS.KTS. Hoàng Ngọc Hoa (Theo Andrea Bender (2020) *What Early Sapiens Cognition Can Teach Us: Untangling Cultural - Bình chú của tác giả*)

ngoại suy quy mô lớn về khả năng nhận thức và tái phát triển văn hóa của các hệ thống nhận thức đã từng phát sinh từ quá khứ. (1)

Trong quá trình thao tác các bước tái dựng quá khứ, yếu tố Sự kiện lịch sử là một công cụ thực chứng quan trọng. Sự kiện lịch sử cùng với điều kiện xã hội và điều kiện vật chất là các yếu tố phản ánh trình độ xã hội. (58, 45, 55, 57)

Lý thuyết Đồng tiến hóa (ĐTH)

ĐTH là một trong những động lực chính hình thành nên sự đa dạng của sự sống trên Trái đất, ảnh hưởng đến các kiểu hình thành loài, sự khác biệt về hình thái, khả năng sinh sản và khả năng sống sót của hầu hết các loài trên Trái đất. Hành trình tiến hóa không chỉ là sự tiến hóa đơn lẻ, áp lực tiến hóa đã tác động lên mọi đơn vị thành phần cấu thành của thế giới vật chất, hữu sinh và vô sinh. ĐTH được định nghĩa là những áp lực có chọn lọc tương hỗ hoạt động để tạo ra sự tiến hóa của một đơn vị phân loại phụ thuộc một phần vào sự tiến hóa của đơn vị phân loại khác. ĐTH có thể liên quan đến nhiều loài, không phân biệt vị trí phân loại.

Quá trình tiến hóa của tự nhiên và xã hội là quá trình tiến hóa khách quan trên tổng thể, có thể không đồng thời, nhưng luôn tiến tới sự đồng bộ. Đó là các quá trình ĐTH cộng sinh/ĐTH ký sinh/ĐTH đối kháng/ĐTH cạnh tranh/ĐTH khuyếch tán đa loài... Trong thực chứng tiến hóa của dòng dõi loài người trong hàng triệu năm qua đã chứng kiến quá trình ĐTH giữa con người và hệ thực vật, ĐTH giữa Phạm vi nhà (Home Range), kích thước nhóm (Group Size) và ngôn ngữ, ĐTH giữa người và sự xâm lăng của động vật ăn thịt săn mồi, ĐTH giữa biến đổi giải phẫu tay và chân human qua hàng

triệu năm chuyển môi trường sống từ trên cây xuống mặt đất... (28)

Lý thuyết tiến hóa biến đổi các cơ quan thụ thể và cảm nhận không gian ở loài người. Một số nghiên cứu chỉ ra cách đây 23 triệu đến 6 triệu năm, các loài linh trưởng đã trải qua quá trình tiến hóa thoái hóa các thụ thể cảm nhận không gian bằng khứu giác để đổi lấy thị giác 3 màu đầy đủ. Điều này nếu đúng sẽ góp phần giải thích tại sao loài người không có hệ thống khứu giác phát hiện và kiểm soát mùi từ xa so với các động vật ăn thịt khác như sư tử, hổ sói... (59)

Lý thuyết tiến hóa hệ quy chiếu - định vị ở loài người

Định vị Egocentric - Allocentric

Định vị bản thân trong không gian hoang dã là một bản năng của mọi loài kiếm ăn và sinh tồn. Vì giới hạn nên các loài động vật đã tiến hóa bổ sung thêm những chức năng kiểm soát không gian độc đáo như: nọc độc, móng vuốt, đánh hơi từ xa, chạy tốc độ cao, mắt nhìn xa, bay nhanh... Năng lực kiểm soát không gian của Homo Sapiens không tiến hóa theo hướng đó mà tiến hóa các kiểu định vị không gian và điều hướng không gian là hai chức năng vô cùng quan trọng của não bộ. Với sự kết hợp không thể thiếu với thị giác, khứu giác, thính giác. Năng lực định vị trong không gian được tiến hóa ở Homo Sapiens người không chỉ dừng lại ở định vị mà nâng lên tầm đa hướng, đa lớp không gian.

Định vị Egocentric (cách gọi khác vị bản ngã, lấy cái tôi làm trung tâm quy chiếu) là giai đoạn đầu của tiến hóa năng lực làm chủ không gian. Tuy nhiên, trong hiện trường hoạt động, chủ thể kiếm ăn luôn chuyển động để

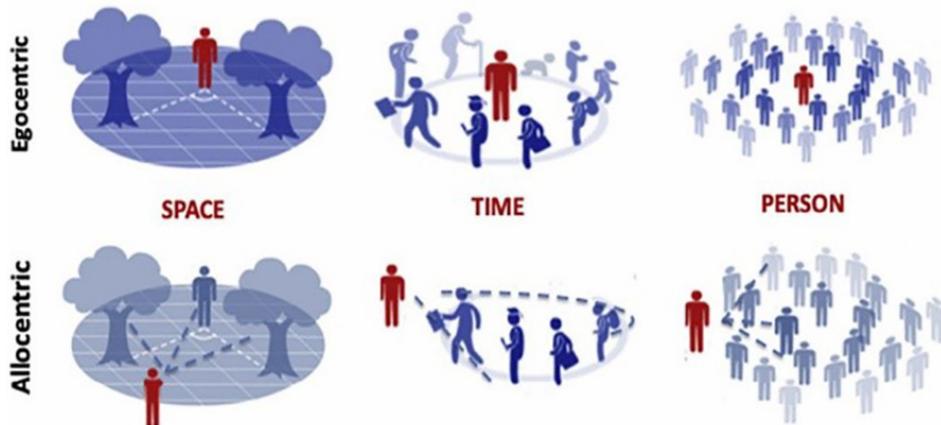
tìm kiếm, giành giật và tự vệ nên hệ quy chiếu cũng không ngừng chuyển hướng theo. Nhiều thế hệ Sapiens đã mang theo số phận và tính mạng của họ một hệ định vị chuyển động để thoát chết và giành được sự tồn tại. Suốt hàng ngàn năm thực tế khắc nghiệt đó đã mang lại cơ hội tiến hóa cho não bộ Sapiens hình thành hệ định vị Allocentric (lấy vật ngoại vi làm trung tâm quy chiếu). Tất cả những người ngày nay đều định vị theo phương thức này, năng lực có lịch sử hàng trăm ngàn năm tiến hóa.

Lý thuyết nhận thức không gian đa giác quan

Tích hợp đa giác quan, còn được gọi là tích hợp đa phương thức, là nghiên cứu về cách thông tin từ các phương thức cảm giác khác nhau (như thị giác, âm thanh, xúc giác, khứu giác, tự chuyển động và vị giác) có thể được tích hợp bởi hệ thống thần kinh. Sự thể hiện mạch lạc của các vật thể kết hợp các phương thức cho phép động vật có được những trải nghiệm nhận thức có ý nghĩa. Thật vậy, sự tích hợp đa giác quan là trọng tâm của hành vi thích ứng vì nó cho phép động vật nhận thức được một thế giới gồm các thực thể nhận thức mạch lạc. Tích hợp đa giác quan cũng đề cập đến cách các phương thức cảm giác của các giác quan khác nhau tương tác với nhau và thay đổi quá trình kết hợp xử lý giữa các giác quan khác nhau đó.

Có bốn thuộc tính của kích thích: phương thức, cường độ, vị trí và thời gian. Vỏ não mới trong não động vật có vú có các phân chia chủ yếu xử lý đầu vào giác quan từ một phương thức. Những khu vực này chủ yếu xử lý các đặc điểm kích thích ở mức độ thấp như độ sáng, hướng, cường độ... Những khu vực này có mối liên hệ rộng rãi với nhau cũng như với các khu vực liên kết cao hơn để xử lý thêm các kích thích và được cho là tích hợp đầu vào cảm giác từ các phương thức khác nhau.

Sự phù hợp về phương thức: Giả thuyết về sự phù hợp của phương thức cho rằng ảnh hưởng của nhận thức trong từng phương thức trong việc tích hợp đa giác quan phụ thuộc vào sự phù hợp của phương thức đó đối với nhiệm vụ nhất định. Do đó,



Hình 4: -Hệ quy chiếu Egocentric -

lấy cái tôi - bản ngã làm trung tâm và Allocentric - lấy Thế giới - người khác làm trung tâm.
(Nguồn: ahar Arzy, Daniel L. Schacter (2019)-Self-agency and self-ownership in cognitive.-) - Bình chú của tác giả.

tâm nhìn có ảnh hưởng lớn hơn đến khả năng định vị tổng hợp so với thính giác, còn thính giác và xúc giác có ảnh hưởng lớn hơn đến ước tính thời gian so với tầm nhìn. (23, 27, 15, 11, 56, 14, 25, 41)

Lý thuyết về quá trình sapiens hóa - trở thành “người hiện đại” - cộng hưởng với tiến trình sửa đổi hốc sinh thái bằng các phương thức cư trú - quần cư phù hợp nhất

Hiểu theo nghĩa trực tiếp, quá trình Sapiens hóa là quá trình tiến hóa từ vượn người thành người khôn ngoan (Homo Sapiens). Khoa học đã nhận thấy, trong quá trình tiến hóa lâu dài suốt hàng triệu năm để thành người hiện đại, giữa vỏ và vản chuyển đổi, lịch sử ghi nhận 2 chuyển đổi mang tính định mệnh của Sapiens:

Sự chuyển đổi từ trạng thái nhận thức phi biểu tượng, phi ngôn ngữ sang trạng thái ngôn ngữ, biểu tượng là một điều gần như không thể tưởng tượng được. Đối với sự chuyển đổi đặc biệt này là một bước nhảy vọt về chất chứ không phải là một sự cải tiến bổ sung của một hệ thống đã tồn tại từ trước. Homo Erectus, homo Neanderthal dù có bộ não lớn, nhưng đã không thể tồn tại vì không tiến hóa năng lực tượng trưng và biểu tượng, yếu tố tạo nên ý thức và bản ngã phi thường như Homo Sapiens.

Trong suốt quá trình tiến hóa, sự khởi sinh và tuyệt chủng của các dòng dõi người đã dẫn theo thời gian bao phủ hầu hết các cảnh quan sinh thái tại các vĩ độ của trái đất. Tuy nhiên, nếu nuôi sống bản thân là mục tiêu tiên

quyết đích thực để duy trì sự sống, thì mục tiêu duy trì nguồn dinh dưỡng Homo đã trải qua một quá trình tiến hóa liên tục năng lực tìm kiếm thức ăn. Lịch sử tiến hóa đã thể hiện mỗi phương thức kiếm ăn đều gắn liền với phương thức cư trú phù hợp nhất với nó. Phương thức kiếm ăn nhặt rác kèm theo di chuyển du mục tiền cư trú của bầy người nguyên thủy tiền cư trú; Phương thức kiếm ăn săn bắn phù hợp với quần cư thị tộc cận cư trú; Phương thức kiếm ăn săn bắt hái lượm gắn với quần cư đa thị tộc- bán cư trú; Phương thức kiếm ăn thuần hóa động vật, thuần dưỡng cây trồng gắn với quần cư bộ lạc...

Trong quá trình tiến hóa như vậy, chính quần thể loài người cũng đồng thời liên tục sửa đổi lại hốc sinh thái của mình. (8, 35)

Giải thuyết các hành vi hiện đại và các ánh xạ liên quan

Giải thuyết về các hành vi phức tạp mang tính hiện đại là một công cụ quan trọng được thiết lập dựa trên các hồ sơ hóa thạch, các hồ sơ dân tộc học, nhân chủng học tại nhiều khu vực trên thế giới giai đoạn trong khoảng thời gian niên đại từ 270.000 năm đến 70.000 năm cho thấy những biến đổi tương đối nhất quán của các tập đoàn Homo, gợi ý dấu hiệu chuẩn bị cho bước Sapiens hóa sau này. (12, 10, 24, 40, 36, 50)

Lý thuyết fission-fusion (phân hạch-hợp nhất) - manh mối của các cấu trúc nhân khẩu mở: bộ tộc/bộ lạc

Bản chất phân hạch - hợp nhất là mối tương quan giữa quy mô nhóm, mật độ nhóm và diện tích lãnh thổ kiếm ăn. Xu hướng di chuyển tới những vùng giàu tài nguyên nhưng thưa người (mật độ thấp) gợi ý rằng từ người vượn nhân hình cho tới homo đều đã từng mở rộng ra khỏi vùng nhiệt đới. Xu hướng mở rộng theo vĩ độ cao (vùng ôn đới) này diễn ra song song với sự gia tăng theo cấp số nhân về quy mô nhóm hominin liên quan đến sự gia tăng cả kích thước tuyệt đối và tương đối của bộ não trong ba triệu năm qua. Di chuyển từ vùng nhiệt đới thuận lợi đến các vùng vĩ độ cao lạnh hơn, ít tài nguyên hơn, đánh đổi bằng mật độ dân số thấp hơn, ở xa hơn để có được các nguồn tài nguyên ít cạnh tranh hơn, là nguyên nhân của sự phân tán của Hominin ra nhiều vùng trên trái đất.

Quá trình tiến hóa tổ chức xã hội của chính những loài người được ghi nhận là quá trình phân hạch liên tục dưới áp lực của quy mô nhóm tăng lên. Một trong những mô tả sớm nhất về một hệ thống như vậy về loài người săn bắt hái lượm sơ khai.

Murdock (1949) và nhiều tác giả khác đã đưa ra một hệ thống phân 4 cấp độ: cấp độ các gia đình hạt nhân, cấp độ gia đình hỗn hợp, cấp độ nhóm họ hàng, thị tộc và cấp độ cộng đồng tiền sử tương đương cấp độ bộ tộc bộ lạc.

Phân hạch tạm thời thành các phân nhóm kiếm ăn trong khi thời gian tồn tại lâu hơn - thành viên có thời hạn của các cộng đồng rộng lớn hơn. Tổ chức xã hội “phân hạch” như vậy cho phép các loài này đồng thời gặt hái được những lợi ích khi sống trong các cộng đồng lớn hơn đồng thời tránh được nhiều chi phí liên quan.

Quá trình phân chia và tập hợp lại các nhóm theo định kỳ cung cấp một phương tiện để đảm bảo rằng quy mô nhóm là tối ưu tại bất kỳ thời điểm nào, cho bất kỳ nhiệm vụ nhất định nào và được thực hiện bởi đại đa số các nhóm săn bắt và hái lượm của con người (Binford, 2001, Grove), 2009, Grove, 2010b, Layton và O’Hara, 2010). Tuy nhiên, sự khác biệt rõ ràng giữa hệ thống phân hạch-kết hợp của con người nằm ở số lượng, cấp độ, thành

MỐI QUAN HỆ GIỮA THỂ TÍCH NÃO VÀ PHÁT TRIỂN NHÓM XÃ HỘI

TĂNG THỂ TÍCH NÃO >

>TĂNG TỶ LỆ TÂN VỎ NÃO

(vùng vỏ não ngoài cùng đồng tiến hóa trong giai đoạn hậu vượn người, với chức năng trí nhớ và nhận thức)

>TĂNG QUY MÔ NHÓM

>TĂNG MẬT ĐỘ QUẦN THỂ

>TĂNG YÊU CẦU VỀ DIỆN TÍCH KIỂM ĂN

→ GIA TĂNG CÁC NHÓM ĐA THỊ TỘC

→ PHÁT SINH QUẦN THỂ BỘ TỘC

→ HÌNH THÀNH MẠNG LƯỚI BỘ LẠC

phần nhân khẩu mà xã hội săn bắt hái lượm được phân hạch hoặc tích tụ. Trong bất kỳ trường hợp nào, thì quá trình đó là nguyên nhân kích hoạt sự hình thành các cấu trúc có quy mô lớn hơn, đó là tập đoàn bộ tộc hoặc các tập đoàn bộ lạc. (39, 31)

Giả thuyết - quá trình phát tán và các hành lang phát tán của homo sapiens từ đông phi vào Đông Nam Á

Các giai đoạn phát tán: Về cơ bản, dòng dõi Erectus đã phát tán khỏi châu Phi về phía đông từ hơn 1,8 triệu năm, nhưng xa nhất chỉ đến được vùng Java (Indonesia) ngày nay, một phần nữa đến Trung Quốc, có lẽ đã đi qua vùng đất Việt Nam - Đông Nam Á lục địa. Tại vùng An Khê, Sông Ba (Gia Lai), Thẩm Khuyên-Thẩm Hai (Lạng sơn), Núi Đọ - Núi Nuông - Quan Yên (Thanh Hóa) đã tìm thấy dấu tích của người Erectus.

Đến niên đại khoảng 250.000 năm - từ MIS 7 (245.000-190.000 năm) đến MIS-6(190.000-130.000) - khi người Erectus có thể đã cơ bản tuyệt chủng, thì những giống người Sapiens sơ khai (Early modern human - EMH, Homo Archaic Sapiens, Homo Helmei) tiến hóa tại Đông Phi lại tiến hành phát tán về phía đông kéo dài nhiều ngàn năm, được các nhà nghiên cứu phân làm hai giai đoạn.

Lần 1 (từ khoảng 130.000 năm đến trước 50.000 năm): Sự phân tán này đã kết thúc trong sự thất bại đối với Homo Sapiens, do họ đã không thành công trong cuộc cạnh tranh giành tài nguyên và nhân khẩu học với người Neanderthal. Những người Sapiens

HÌNH 5: Nguồn: TS.KTS. Hoàng Ngọc Hoa

quen với khí hậu nóng của châu Phi không được điều chỉnh kịp để đối phó với khí hậu khô và nhiệt độ lạnh, gây ra tình trạng khan hiếm nguồn lương thực và nước ở vùng Levant trong MIS-5, nơi người Levantine Neanderthal đã quen thích nghi vượt qua. Hậu quả dẫn đến dân số người Sapiens giảm mạnh sau khoảng 70.000 năm, (d'Errico và Stringer, 2011), dẫn đến giảm số lượng địa điểm, bao gồm cả ở Thung lũng sông Nile. Kết quả là con người Sapiens gần như biến mất ở Levant ở cuối MIS 5/đầu MIS 4, trong khi Người Neanderthal vượt qua và tồn tại lâu hơn họ trong suốt MIS 4, cho đến khoảng 45.000 năm (Bailey và cộng sự, 2008; Shea, 2008)

Lần 2 (từ sau 50.000 năm): Lúc này, Sapiens đã trở thành AMH (anatomically modern human) có thể đã tiến hóa cao hơn, đủ tạo nên quần thể nhân khẩu học dồi dào, hậu quả là áp lực mạnh mẽ lên quần thể người Neanderthal (Powell và cộng sự, 2009). Mặt khác, AMH đã có thể mở rộng các hốc sinh thái của mình thay thế toàn bộ các khu hệ hốc sinh thái của người Neanderthal, cuối cùng đã đẩy dẫn họ đến nơi tị nạn cuối cùng Tây Nam châu Âu, giành toàn quyền thống trị cảnh quan sinh thái trên trái đất. (9, 13, 34)

Hai hành lang chính: Theo Elena A.A. Garcea (2012), từng có nhiều tuyến đường khác nhau đã được dự kiến cho lối ra của Người Homo sapiens Châu Phi. Trong đó tập trung 5 tuyến chính: dọc Bờ biển Địa Trung Hải của Bắc Phi, dọc sa mạc Sahara về hướng bắc và tây bắc, dọc theo Thung lũng sông Nile,

dọc bờ Biển Đỏ phía đông và vượt qua Eo biển Bab el Mandab phía nam có thể hướng về 2 hành lang dẫn ra khỏi Châu Phi.

Theo mô hình đa phân tán (MD- multiple dispersals), Hành lang phía nam bắt đầu sớm nhất là 130 ka và sau đó phân tán vào phía bắc Âu Á khoảng 50ka/ xảy ra chủ yếu dọc theo tuyến đường ven biển xuyên qua phía nam bán đảo Ả Rập. Đây là tuyến đường có thể đã qua Ấn độ để lan về vùng Đông Dương, Đông Nam Á lục địa (MSEA). Hành lang thứ hai qua Levant từ sau 50 ka và vào phía bắc Âu Á bằng đường bộ. (51,22,47,12,43,20,19,17,51,52)

Lý thuyết về tiến hóa lòng trắc ẩn, vị tha và sự biết ơn... như một hành vi đặc trưng của giống người (homo species) so với loài vượn, cơ sở của nhận thức sơ khai về không gian nhà, không gian ở và nền tảng quê hương

Một trong những câu hỏi đặt ra là loài người giai đoạn còn dã man, để cạnh tranh thức ăn và bạn tình với dị hình giới tính lớn (kích thước con đực lớn gấp 1,2-1,3 lần con cái) nhằm mục đích cạnh tranh, vậy làm sao có thể hình thành bầy người nguyên thủy, thị tộc hòa bình như tồn tại lịch sử?.

Dựa trên các bằng chứng khảo cổ học về các hóa thạch xương người già và trẻ em hominin bị mắc các bệnh hiểm nghèo không còn khả năng giao tiếp, đi lại, tự phục vụ nhưng vẫn sống rất lâu trong hoàn cảnh muông vờn khó khăn luôn phải di chuyển kiếm ăn thời tiền sử, nhóm nghiên cứu do P. A. Spikins đứng đầu đã đề xuất bốn cấp độ chính của khả năng của sự phát sinh tiến hóa lòng trắc ẩn, tình cảm vị tha về đầu tư cảm xúc vào hạnh phúc của người khác .

Cấp độ một: Vào khoảng 6-1,8 triệu năm trước, tổ tiên chung giữa con người và tinh tinh đã có khả năng nhận thức được ý định của người khác, đồng cảm với cảm xúc của người khác và có động lực để giúp đỡ họ (deWaal 2008). Sự "giúp đỡ" này có thể mang hình thức một cử chỉ an ủi ngay lập tức (ví dụ như 'ôm') cho một người gặp nạn, hoặc di chuyển giúp chướng ngại vật trên đường đi. Vào thời điểm các loài như Homo habilis (2,3-1,6 triệu năm) hoặc rudolfensis (1,9 triệu

năm), việc vận chuyển xác chết có thể là một hoạt động nhóm (Rose 2001, Plummer 2004) cũng như hợp tác phòng thủ chống lại kẻ săn mồi (Hart 2005). Mặc dù còn sơ khai, vẫn có cơ sở giả định rằng xu hướng hợp tác trong tìm kiếm, dự trữ thực phẩm và bảo vệ đồng loại trong môi trường savanna tương đối mở.

Cấp độ hai: Xuất hiện từ 1,8 triệu năm, lòng trắc ẩn bắt đầu được điều chỉnh như một cảm xúc được tích hợp với suy nghĩ hợp lý. Trong Homo Erectus (1,9-1,6 triệu năm), và sau đó là Homo heidelbergensis ở châu Âu, việc thu nhận thực phẩm và năng lượng kích thích cơ thể cho thấy thức ăn được chia sẻ rộng rãi, với phụ nữ mang thai và những người có trẻ nhỏ (Plummer 2004). Người trợ giúp với việc chăm sóc con cái, cho dù đó là con đực (Panter-Bruck 2002), anh chị em hay bà ngoại (O'Connell et al 1999) có thể đã đóng một vai trò quan trọng trong thành công tiến hóa (Aiello và Key 2002). Do đó, lòng trắc ẩn dần dần được mở rộng trong việc chăm sóc con cái và bình đẳng cho những người bị bệnh không phải họ hàng. Khoảng 400.000 BP với sự xuất hiện của phương pháp xử lý tang lễ như lòng trắc ẩn và đau buồn khi người chết được chăm sóc (tư thế trong mộ, xử lý màu sắc, vật tùy táng (mẫu đá, con ốc...) chôn theo, những cảm xúc ràng buộc với người khác có thể được tương trưng trong giao tiếp và có thể nhận ra là một cái gì đó giống như 'tình yêu thương'. Người ta có thể suy đoán rằng những cảm xúc xã hội khác như "xấu hổ" cũng bắt đầu cấu trúc các mối quan hệ xã hội cổ xưa của con người trong các bối cảnh hợp tác như vậy.

Cấp độ ba (300.000-50.000 ở châu Âu): Vào thời của người Neanderthal ở châu Âu, lòng trắc ẩn mở rộng thành các cam kết sâu sắc đối với phúc lợi của người khác. Với một thời gian dài ở tuổi thiếu niên và phụ thuộc vào săn bắn hợp tác, xã hội Neanderthal phụ thuộc vào các khoản đầu tư tình cảm sâu sắc ngoài bản thân. Lý thuyết về khả năng tâm trí cho phép hiểu được niềm tin chung của một số cá nhân (Dunbar 2007) và khả năng lập kế hoạch dài hạn (Schild 2006) dường như đã hỗ trợ chăm sóc thường xuyên cho người bị thương hoặc ốm yếu

trong thời gian dài. Phần lớn sự chăm sóc bền vững như của người Neanderthal hàng Shanidar phải liên quan đến không chỉ một cá nhân mà ít nhất là một số trong suốt cuộc đời của anh ta nếu không phải là toàn bộ nhóm. Trong những trường hợp cho thấy một động lực cảm xúc được chia sẻ để giúp đỡ, chia sẻ những cảm xúc "đạo đức xã hội" gợi ý rằng những cảm xúc khác, hối hận, xấu hổ, đồng cảm cũng là bằng chứng. Thật vậy, tỷ lệ chữa bệnh ở người Neanderthal vượt quá bằng chứng về việc chăm sóc trong các nghĩa trang được ghi lại trong lịch sử (Rutherford 2007).

Cấp độ bốn: Trong con người hiện đại (từ 120.000 ở châu Phi, 40.000 ở châu Âu), khả năng lòng trắc ẩn, cảm giác biết ơn mở rộng sang người lạ, động vật, đồ vật và các khái niệm trừu tượng, và trở nên linh hoạt với bối cảnh. Những phát triển này, được thể hiện như một "nhánh" trong mô hình, có lẽ được xem tốt nhất là một sự khác biệt trong biểu hiện của lòng trắc ẩn. Các đồ vật trở nên "được chăm sóc", đặc biệt là biểu tượng của các mối quan hệ hỗ trợ của con người và đến lượt nó có thể mang lại sự thoải mái. được minh họa bằng sự xuất hiện của nghệ thuật biểu tượng, cũng có thể được "quan tâm" và bảo vệ hoặc hy sinh. Các kết nối rộng rãi trên các khu vực rộng lớn, như thể hiện qua sự chuyển động của vỏ sò biển, cho thấy khả năng liên quan đến người lạ một cách cởi mở và có khả năng "quan tâm" và phát triển các mối quan hệ dựa trên niềm tin, cảm giác biết ơn với các động cơ không vụ lợi. (46B)

Lý thuyết hình thành gia đình huyết tộc sơ khai cùng quan hệ giữa kích thước nhóm họ hàng - nhóm thị tộc và ngôn ngữ

Kích thước nhóm (Group Size) là một chỉ số quan trọng chỉ ra mối liên quan giữa tiến hóa độ dày vỏ não mới (neocortex) và mạng xã hội, nhưng các nghiên cứu ngày càng đồng thuận rằng những nhóm homo nhân loại đầu tiên là những nhóm gia đình - họ hàng huyết tộc.

Dù xuất phát từ cùng một gốc với loài vượn lớn, nhưng giai đoạn tiến thân tộc của mối quan hệ họ hàng của các loài người đầu tiên đã bao gồm sự giao tiếp thô sơ như thức ăn và tình thân,

khác hoàn toàn với mô hình họ hàng tiến ngôn ngữ giữa loài linh trưởng và australopithecus, mà sau đó là giai đoạn mối quan hệ họ hàng với các chia sẻ các quyền lợi thiết thân hơn như trao đổi thức ăn và thông tin; sau đó là một mối quan hệ họ hàng đầy đủ với sự phân loại họ hàng phổ quát và các quy tắc chia sẻ, trao đổi và hành vi nhân quả có đi có lại.

Lý thuyết cho thấy: Gia đình, Họ hàng huyết tộc đã xuất hiện từ dòng dõi habilis với ngôn ngữ sơ khai 2,3 tr năm, trước Erectus. Điều này không giống với bản chất hominin khác, bởi vì trong ngôn ngữ của con người và sự phát triển sau đó của các cấu trúc họ hàng thay thế các hình thức liên kết xã hội khác. Bản chất con người gắn chặt hơn với cấu trúc xã hội của quần thể săn bắt hái lượm ở châu Phi hơn những nơi khác bởi vì như vậy dân cư, ít nhất cho đến gần đây, đã có thể duy trì mối quan hệ với đất đai, tới tài nguyên và con người thông qua các hệ tư tưởng mang tính biểu tượng và môi trường xã hội chắc chắn gợi nhớ đến những điều đã từng được chia sẻ bởi toàn nhân loại.

Cấu trúc nhóm huyết tộc - gia đình đã được xác định ngay từ thời dòng dõi Haliliss 2.5 triệu năm. Nguyên tắc này thậm chí còn đúng hơn ở các xã hội săn bắt hái lượm so với các xã hội khác, bởi vì hầu như những xã hội như vậy luôn có sự phân loại họ hàng phổ quát: mọi thành viên của xã hội có mối quan hệ họ hàng chính xác với nhau (Barnard 1978). Calvin và Bickerton's (2000) mô hình ba giai đoạn tiến hóa của ngôn ngữ: từ ngôn ngữ nguyên thủy (từ và-giao tiếp mang tính biểu tượng) sang ngôn ngữ thô sơ (đơn giản và CÂU mơ hồ) sang ngôn ngữ thực (có cú pháp đầy đủ) và mô hình song song của sự phát triển của quan hệ họ hàng huyết tộc, mở rộng thành các thị tộc và các quần thể đa thị tộc.

Những diễn giải lại được đưa ra về các quan niệm nhân học cổ điển, chẳng hạn như giả thuyết về tuổi tác của Wissler, ý thức tập thể của Durkheim và cấu trúc cơ bản của quan hệ họ hàng của Lévi-Strauss. Tác giả cũng thảo luận về lý thuyết của ông về sự đồng tiến hóa của ngôn ngữ và quan hệ họ hàng thông qua ba giai đoạn

(ký hiệu, cú pháp và biểu tượng) và sự phân tích tiếp theo của các nguyên tắc của giai đoạn biểu tượng trên khắp thế giới trong thời kỳ đồ đá mới. (2, 29)

Lý thuyết tích tụ mảnh vụn - Giả thuyết hình thành khái niệm sơ khai về không gian nhà/không gian ở/nền tảng quê hương

Mặc dù khung thời gian, hoàn cảnh và phân loại hominin liên quan vẫn còn đang được tranh luận, nhưng nguồn gốc của hiện tượng văn hóa tích lũy chắc chắn nằm trong thế Pleistocen. Một số tác giả cho rằng các công cụ bằng đá do các nhóm Thời kỳ đồ đá sớm (ESA) ở Châu Phi chế tạo là sản phẩm của văn hóa tích lũy (Stout và cộng sự, 2019).

Vào đầu thế Pleistocene muộn, bằng chứng rõ ràng hơn về văn hóa tích lũy trong các mô hình lãng phí thực phẩm và tích lũy hiện vật cũng như cấu trúc địa điểm. Điều này đặc biệt đúng trong thời đại của người Neanderthal và AMH-con người hiện đại về mặt giải phẫu. Người Neanderthal có phạm vi công nghệ hẹp hơn nhưng phương pháp chuẩn bị cốt lõi rất phức tạp (ví dụ, Levallois) và việc chôn cất người chết không thường xuyên. Sự hiện diện sớm của con người hiện đại về mặt giải phẫu - AMH ở miền nam Levant (120-90 ka BP) cũng thể hiện những đặc điểm hành vi này, cùng với việc hiếm khi sử dụng đồ trang trí bằng vỏ sò tại các hang động của Skhuland Qafzeh (Vanhaeren và cộng sự, 2006; Vandermeersch và Bar-Yosef, 2019).

Văn hóa dường như không được tích lũy với tốc độ hoặc tính nhất quán cao trong các giai đoạn trước của Thời kỳ đồ đá/Thời kỳ đồ đá cũ, có lẽ do tính chất phân tán của dân số, mạng lưới xã hội nhỏ hơn hoặc các cách xã hội hóa khác nhau (Hopkinson và cộng sự, 2013; tiếng Pháp, 2015; Wrangham, 2019).

Vào cuối thời kỳ đồ đá cũ (MP) ở Âu Á và phần sau của thời kỳ đồ đá giữa (MSA) ở Châu Phi (Đồng vị biển giai đoạn 4 trở về sau), những biểu hiện đang phát triển của truyền thống văn hóa khu vực và thời gian thông qua tích lũy mảnh vụn như là tàn tích của văn hóa vật chất (công cụ, sản phẩm tạo tác) và văn hóa phi vật chất (giao tiếp) tại các căn



Hình 6 (Nguồn: TS.KTS. Hoàng Ngọc Hoa)

cứ được qua lại nhiều lần (McBrearty và Brooks, 2000; Delagnes và Meignen, 2006; Mackay và cộng sự, 2014;

Các địa điểm ngoài trời có thể bảo tồn các hành vi không gian theo cách khác so với những hành vi được ghi nhận trong các địa điểm hang động/nơi trú ẩn. Dựa trên các tài liệu trước đây và các mô hình khảo cổ ban đầu, Stiner (2021) định nghĩa không gian trong nhà là "các nút tương tác lặp đi lặp lại rộng rãi liên quan đến việc chuẩn bị và tiêu thụ thực phẩm mà con người tương tác với đó và với các lợi ích, chi phí khác cũng như các hiện tượng linh tinh (trung tính) có thể tuân thủ trong quá trình tiến hóa. thời gian. Không chỉ là nơi đưa thức ăn đến, nơi ở trong nhà còn là không gian giao lưu xã hội" (Stiner, 2021: 64).

Những địa điểm an toàn này có thể được mô tả bằng nhiều thuật ngữ khác nhau, bao gồm nhà ở, không gian sinh hoạt, trại căn cứ và khu cắm trại dân cư, nhưng tất cả đều đề cập đến đầu trường vật chất nơi một nhóm chuẩn bị thức ăn, thực hiện các hoạt động khác và thường là ngủ. Là nút chia sẻ thông tin, không gian gia đình ngày càng trở thành nơi văn hóa có thể được tồn tại (Kuhn và cộng sự, 2018; Kuhn và Stiner, 2019). Nếu không có những không gian này, động cơ truyền bá văn hóa tích lũy sẽ vẫn rất yếu trong quá trình tiến hóa của loài người. (6, 42)

Động lực xây dựng niche (Laland và cộng sự, 2000; Odling-Smee và cộng sự, 2003) đã tạo ra những ảnh hưởng qua lại giữa tổ tiên loài người và không gian trong nhà (Dunbar, 2003; Maher và Conkey, 2019). Tấn suất lặp đi lặp lại duy trì cùng trí nhớ không gian và trí nhớ làm việc dẫn thiết lập ký ức, mầm mống khái niệm về một nơi gắn liền với điều gì đó tiến hóa cùng hậu thế như khái niệm quê hương. (4, 44, 26, 3, 33, 30, 53, 49)

Tư liệu về đặc điểm cảnh quan và phân bố không gian quần cư huyết tộc cụm hang động mái đá kích thước nhỏ - mạng thêm sông suối thượng nguồn trung sơn khối đá vôi tại Việt Nam

Phân bố các di tích cổ cư trú tại Việt Nam thông qua các dữ liệu thực chứng khảo cổ và cổ sinh học

Các tài liệu Khảo cổ Việt nam, đến năm 2013, tại miền Bắc Việt Nam đã tìm được 54 di tích hóa thạch cổ sinh (có hoá thạch người cổ) đều là các di tích loại hình hang động, mái đá phân bố trong các sơn khối đá vôi tại Vùng đất Việt Nam được chia thành 4 miền Karst (đá vôi).

Vùng Karst vùng trung Đông Bắc: Giáp biên giới Việt - Trung, từ Yên Minh qua Nguyên Bình xuống Bắc Cạn, Thái Nguyên, Kinh Môn, Hải Phòng và Vịnh Hạ Long. Vùng này có 20/54 di tích khảo cổ trong đó có 4 di tích cư trú tiền sử đánh dấu những giai đoạn văn hóa cư trú tiền sử quan trọng, nhưng khi công việc khai quật vẫn còn ở tương lai, thì cần giả thiết đây là vùng tiềm năng các di tích có thể còn tiếp tục được phát hiện. Các Quần thể cư trú hang đã được tìm thấy: Quần thể Thẩm Khuyên-Thẩm Hai, di tích tiền cư trú Homo erectus/Hang Kéo Lèng-(Bình Gia, Lạng Sơn), di tích tiền cư trú Homo Sapiens 30.000 năm BP/Hang Nhảm Dương đã tìm thấy hóa thạch người, niên đại dự đoán 40.000 năm BP/ Mái đá Ngườm - Hang Phiêng Tung (Thần Sa, Võ Nhại, Thái Nguyên).

Vùng Karst khối nâng Việt Bắc: Vùng Karst có 5/54 di tích, trong đó có di tích Hang Hùm (Lục Yên, Yên Bái) tìm thấy hóa thạch người hiện đại (Homo Sapiens Sapiens). Trong miền Karst này có 5/54 di tích hóa thạch động vật. Đó là các di tích Hang Hùm (huyện Lục Yên, Yên Bái), Khe Thẩm (huyện Văn Chấn, Yên Bái), Chiềng Ban (huyện Than

Uyên, Lai Châu), Đá Đen (huyện Hàm Yên, Tuyên Quang) và hàng Mã Tuyển (huyện Mường Khương, Lào Cai). Trong đó, di tích hang Hùm đã tìm thấy hóa thạch Người hiện đại, có tuổi dự đoán là 60.000 năm BP.

Vùng Karst vùng trũng Sông Đà: Khu vực này có 4 vùng Karst là: Lan Nhí Thăng, Ma Lu Thăng - Tà Phình - Sín Chải, Sơn La - Mộc Châu, Hòa Bình - Ninh Bình. Đây là một trong hai miền Karst có nhiều di tích động vật hóa thạch nhất ở nước ta: 22/54 di tích. Hai vùng Karst Sơn La - Mộc Châu và Hòa Bình - Ninh Bình tìm thấy 18 di tích cổ sinh hóa thạch), hang Ma Ươi (huyện Tân Lạc, Hòa Bình), Mái đá Mòn (huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình), Núi Ba, Thung Lang (thị xã Tam Điệp, Ninh Bình), hang Lý Chùn (huyện Thạch Thành, Thanh Hóa), Núi Ô (huyện Hà Trung, Thanh Hóa).

Trong các di tích này, đáng chú ý là di chỉ hang Ma Ươi, nơi tìm thấy hóa thạch người và động vật, có tuổi tuyệt đối từ 196.000 đến 80.000 năm BP. Trong vùng trũng Karst Sông Đà, đáng chú ý nhất là văn hóa Sơn Vi với gần 200 di tích, có tổ hợp công cụ cuội ghè đẽo, đặc trưng là công cụ mũi nhọn, rìu lưỡi ngang, rìu lưỡi dọc, rìu lưỡi xiên, phần tư viên cuội, hai rìu, nhiều rìu, ghè hết một mặt. Loại hình công cụ này khác và cổ hơn loại hình công cụ cuội văn hóa Hòa Bình, chưa xuất hiện công cụ mài, thành phần động vật gồm các giống loài đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm. Văn hóa Sơn Vi tồn tại trong khung thời gian từ 30.000 đến 11.000 năm BP, có gần 200 di tích, phân bố trên nhiều địa hình khác nhau.

Vùng Karst khối nâng Sông Mã - Hà Tiên: Miền này có 3 vùng Karst là: Sông Mã - Phu Hoạt, Kê Bàng - Khe Ngang, Hà Tiên, tìm thấy 7/54 di tích, trong đó có 3 di tích có dấu vết cư trú rõ rệt: Mái đá Điều (huyện Bá Thước, Thanh Hoá) là di tích cư trú, đáng chú ý là di tích Làng Tráng và Thẩm Ôm đã tìm thấy di cốt hóa thạch người. Niên đại Làng Tráng là 80.000 năm BP, còn Thẩm Ôm dự đoán là 60.000 năm BP.

Các giai đoạn chế độ thị tộc ở Việt Nam và đặc điểm kinh tế - xã hội thị tộc, mẫu hệ dưới góc nhìn khảo cổ học, dân tộc học

Hóa thạch Người khôn ngoan sớm

(Homo Sapiens) ở Hang Hùm (Yên Bái), Thẩm Ôm (Nghệ An) và Làng Tráng (Thanh Hóa), hóa thạch người thông minh muộn (Homo Sapiens Sapiens) ở Nhãm Dương (Hải Dương), Kéo Lèng (Lạng Sơn), Thung Lang (Ninh Bình) được tìm thấy những răng người hóa thạch đơn lẻ, cùng nhiều hóa thạch động vật đặc trưng cho Hậu kỳ Pleistocene là bằng chứng về Người hiện đại xuất hiện ở Bắc Việt Nam khá sớm và có mặt nhiều ở những vùng địa lý khác nhau với 2 mức sớm muộn khác nhau. Giai đoạn sớm (80.000-30.000 năm) ở vùng đá vôi Yên Bái, miền Tây Thanh Hóa và miền Tây Nghệ An.

Do tình trạng các thị tộc này ở vùng biệt lập, duy trì chế độ quân hôn, nên con cái chỉ biết có mẹ và sống cùng mẹ. Những người đàn ông đi săn bắt với công cụ đá, mảnh tước và có thể chiếc gậy thô sơ, kết quả mang lại thất thường. Thành phần động vật trong các di tích nói trên cho biết ở đây thường là các loài động vật lớn, hung dữ, có tốc độ vận động nhanh. Muốn có hiệu quả buộc phải tiến hành săn bắt tập thể, mà chỉ có một hình thái tổ chức xã hội kiểu thị tộc mới đảm nhận được.

Trong khi đó, phụ nữ tham gia hái lượm rau quả trên rừng, bắt cua ốc dưới sông suối, thu lượm các loại trứng và chim non, mang lại thức ăn thường xuyên và đảm bảo cuộc sống ổn định cho cộng đồng, đưa đến uy tín và quyền hành của đàn bà ưu thế hơn đàn ông. Trong giai đoạn đầu tiên, phân công lao động nam và nữ mang tính tự nhiên. Có nhiều khả năng, hình thái tổ chức xã hội giai đoạn sớm của Hậu kỳ đá cũ Bắc Việt Nam là công xã thị tộc mẫu quyền.

Giai đoạn muộn (30.000-10.000 năm) ở vùng đá vôi các tỉnh: Lạng Sơn, Hải Dương và Ninh Bình.

Giai đoạn này thuộc phạm trù Hậu kỳ Đá cũ, đã phát hiện một loạt các di tích khảo cổ, có vết tích cư trú, mộ táng, bếp cùng các kĩ nghệ chế tác công cụ đá khác nhau, phân bố thành các nhóm địa phương ở các địa bàn khác nhau. Trong số các di tích thuộc kỹ nghệ công cụ cuội ghè ở Bắc Việt Nam có các nhóm di tích Nậm Tun ở Lai Châu, nhóm Đồi Thông tại Hà Giang và nhóm Mái đá Điều ở Thanh Hóa, có

thể các nhóm ấy đại diện cho các thị tộc khác nhau. Di tích Ngườm và hang Miệng Hồ có thể được xem là đại diện cho mỗi thị tộc Hậu kỳ Đá cũ mà đặc trưng nổi bật là chế tạo và sử dụng công cụ mảnh tước trong một vùng hẹp ở Thần Sa (Thái Nguyên). Có thể xem mỗi nhóm địa phương của văn hóa Sơn Vi là một thị tộc. Bước vào giai đoạn 30.000 - 10.000 năm không còn hôn nhân nội bộ thị tộc, mà hôn nhân ngoại tộc đã ra đời, làm tăng thêm sự phức tạp trong quan hệ xã hội của người Hậu kỳ Đá cũ. Con chỉ biết mẹ, vì thế vai trò người phụ nữ trong xã hội càng được đề cao. Khi mà phân công lao động theo giới tính được tăng cường, người phụ nữ tham gia các hoạt động kiếm sống, nuôi sống cộng đồng trong công xã thị tộc, thì vai trò của họ càng lớn hơn, chế độ công xã thị tộc mẫu quyền càng được củng cố.

Tác giả công trình này trân trọng cảm ơn các tác giả của các tài liệu thuộc nhiều ngành khoa học như Khảo cổ học, Cổ nhân học, Nhân chủng học... nêu trên đã được công bố rộng rãi trên tác phẩm sách và bài viết khoa học trong và ngoài Việt Nam. Tuy nhiên, do nhiệm vụ của công trình này không nhằm nghiên cứu lịch sử tiến hóa của loài người, nên mặc dù chú trọng tích hợp các kết quả đa ngành, coi đó là các biến, các công cụ, với mục tiêu nghiên cứu khám phá các giai đoạn quan trọng trong lịch sử tiến hóa cư trú, tiến hóa hàng triệu năm của con người nói chung và tập trung vào tiền thân người Việt Nam, tác giả vận dụng các tri thức quý giá trên theo cách nhìn và phương pháp riêng của tư duy không gian kiến trúc. (42)

Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ GIÁ TRỊ VẬN DỤNG CỦA BỘ TIÊU CHÍ NHẬN DIỆN CẤU TRÚC TƯ DUY TỪ CẬN CƯ TRÚ ĐẾN BẢN CƯ TRÚ, TỪ HUYẾT TỘC ĐẾN ĐA THỊ TỘC THEO CỤM HANG ĐỘNG MÁI ĐÁ KÍCH THƯỚC NHỎ TRONG MẠNG THỀM THEO SÔNG SUỐI THƯỢNG NGUỒN TRÙNG SƠN KHỐI ĐÁ VÔI CUỐI THẾ CANH TÂN (PLEISTOCENE) TẠI VÙNG ĐẤT VIỆT NAM

Bản thân không gian cư trú và không gian kiến trúc không thể tự nó hình thành, tồn tại và phát triển mà nó là kết quả của nhận thức, tư duy của chủ thể sáng tạo và sử dụng, nhưng chính tư duy của chủ nhân đó chịu sự tiến

hóa liên tục qua nhiều thế hệ và hoàn cảnh lịch sử. Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu của công trình là các cấu trúc tư duy tiến hóa liên quan đến tiến hóa nhận thức, tiền đề của hành vi sáng tạo không gian cư trú và kiến trúc

Tên gọi của Bộ Tiêu chí này là một tên gọi định danh cụ thể và đạt độ chính xác gần nhất với đối tượng, vì nó là sự tích hợp của hàng chục Bên, hầu như bao quát khá đầy đủ các biểu hiện vật chất, ý thức, hành vi, văn hóa... của đối tượng.

Mỗi Bộ tiêu chí còn là một hệ thống phương pháp tư duy. Vì vậy, nó phải hàm chứa đủ 4 nội hàm thiết yếu:

Nội hàm thứ nhất: Tên cấu trúc tư duy của mô thức cư trú cụ thể: Tiền cư trú, Cận cư trú, Bán Cư trú... nhằm xác định loại hình cư trú và niên đại tương thích.

Nội hàm thứ hai: Mô thức cấu trúc nhân chủng học, xã hội học của chủ nhân, nhằm xác định thời điểm tiến hóa của đối tượng sáng tạo và sử dụng cấu trúc không gian đó.

Nội hàm thứ ba: Cấu trúc, hình thái, chất liệu, nguồn gốc kiến tạo, tiện nghi môi trường, bản chất sinh thái, môi sinh, chức năng được giao phó... của không gian được chọn là nơi cư trú, ngẫu nhiên hoặc chủ ý hoặc được sáng tạo.

Nội hàm thứ tư: Niên đại nó đã được khởi tạo, khoảng thời gian nó đã tồn tại, nhằm mục đích so sánh với các biểu hiện cư trú tương ứng của mặt bằng tiến hóa chung của nhân loại tại các di tích đồng đại.

Đây là một công trình khoa học xây dựng nên từ tư liệu thực chứng chứ không phải một tác phẩm diễn ngôn cảm nhận chủ quan, vì vậy, tên gọi dù dài vẫn phải hàm chứa đầy đủ và chính xác hàm lượng giá trị khoa học là tiêu chí tiên quyết.

Mỗi Bộ Tiêu chí là một sách lược và hệ thống phương pháp vận dụng có tính khả thi cao, có khả năng khởi tạo các giá trị quý giá đã từng tồn tại nay đã thất lạc, nhằm sử dụng cho phát triển các giá trị mới.

Bộ Tiêu chí bao gồm 23 cấp Thức, 96 cấp Dạng và 165 cấp Cảnh, liên quan đến hàng chục lĩnh vực chi phối tiến hóa của 2 loài người (từ biến đổi hình thể, phát sinh tư duy và hành vi hiện đại, hành vi nhận thức, hành vi không gian, hành vi cư trú, hành vi ngôn ngữ...), trên cơ sở tham khảo tư liệu tại 60 bộ sách và tài liệu trong nước, ngoài nước, dựa trên thực chứng không gian và các kết quả khai quật các lớp trầm tích hóa thạch của 8 di tích tiêu biểu tại Việt nam, đại diện cho các giai đoạn chuyển tiếp quan trọng của Người Erectus và Homo Sapien, giữa Homo Sapiens và Homo Sapiens Sapiens và giai đoạn chỉ còn lại Homo Sapiens Sapiens, diễn biến trong khoảng thời gian từ 500.000 năm đến 30.000 năm.

RECONSTRUCTING THE STRUCTURAL MODEL OF THINKING FROM NEAR-RESIDENCE OF BLOOD RACE TO SEMI- RESIDENCE OF MULTI-CLAN BY CLUSTER OF SMALL STONE -ROOF CAVES IN THE UPSTREAM NETWORK OF RIVER AND STREAMS, THE LOWLAND AREA OF LIMESTONE BLOCKS THE END OF THE PLEISTOCENE IN THE LAND OF VIETNAM

DR.ARCH. HOÀNG NGỌC HOA

Introducing the evolutionary process of the multi-directional, multi-modal and cyclical Residence Model and the Set of Identification Criteria as the basis for Reconstructing the Thinking Structural Model of Residential Space from near-residential to residential. Semi-residential, from bloodline to multi-clan, in the landscape of clusters of small-sized caves and rock roofs, and a network of upstream river and stream terraces with low-lying limestone blocks of the late Pleistocene in Vietnam.

LỜI KẾT

Đây là lần đầu tiên, các phạm trù khái niệm như cư trú, không gian nhà, không gian ở, nơi chốn, quê hương... không chỉ được làm rõ nguồn gốc sâu xa mà còn chỉ rõ chúng không phải là những khái niệm tĩnh, tức là dễ dàng sinh ra một lần thôi rồi mãi mãi giữ nguyên như vậy, mà, trái lại, chúng có một hành trình khởi phát từ nguồn gốc sâu xa là sự tiến hóa của loài người. Nếu loài người không tồn tại và đã tuyệt chủng thì các phạm trù ấy không thể có cơ hội phát sinh, tiến hóa, càng không thể tồn tại trên bất cứ hốc sinh thái nào phi nhân loại. Hành trình tiến hóa của mô thức cư trú, không gian kiến trúc Việt Nam được nghiên cứu một cách có hệ thống với cấu trúc về xuất xứ, khởi nguyên, lịch đại, niên đại, môi trường cảnh quan; danh tính chủ nhân và thời điểm phát tích của chủ nhân, với nguồn gốc tâm trí, tư duy, hành vi, hậu quả và dấu vết văn hóa, vận dụng các lý thuyết khoa học tiên tiến và chuyên nghiệp.

Trong một bài báo nhỏ, tác giả cố gắng thu gọn các cơ sở khoa học và lịch sử

của hành trình tiến hóa suốt 500.000 năm, trải qua 2 mô thức cư trú, của giai đoạn chuyển tiếp có một không hai giữa 2 loài người tại vùng đất Việt Nam là một việc khó khăn. Dù tác giả cố gắng đến mức nào thì vẫn không thể tránh được thiếu sót. Tuy vậy, các nội dung này sẽ còn tiếp tục được giới thiệu chi tiết trên các bài viết sau này với những nội dung phù hợp theo logic của từng giai đoạn tiến hóa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrea Bender (2020) *What Early Sapiens Cognition Can Teach Us: Untangling Cultural*
2. Alan Barnard (2010) *When individuals do not stop at the skin*
3. Amélie Vallerand, Fabio Negrino, Julien Riel Salvatore (2024) *Homo sapiens and Neanderthal Use of Space at Riparo Bombrini (Liguria, Italy)*
4. Amy E. Clark a, Sarah Ranlett, Mary C. Stiner (2022) *Domestic spaces as crucibles of Paleolithic culture: An archaeological perspective*
5. Barbara Tversky và Paul U. Lee () *How Space Structures Language*
6. Ben Marwick (2008) *Stone artefacts and recent research in the archaeology of mainland South-east Asian hunter-gatherers*
7. Camilo J. Cela-Conde Francisco J. Ayala

(2003)-Genera of the human lineage

8. Cavalli-Sforza, L.L., Feldman, M.W. 1981. *Cultural Transmission and Evolution: A Quantitative Approach*/ Princeton University Press, Princeton.
9. Charles Higham (2013)- *Hunter-Gatherers in Southeast Asia: From Prehistory to the Present*
10. Clara Boulanger (2013)- *Homo sapiens in Island Southeast Asia: Toward a Maritime Specialization?*
11. Daniel Haun (2007)- *Cognitive Cladistics and the Relativity of Spatial Cognition*
12. Eleanor M.L. Scerif, Manuel Will (2023)- *The revolution that still isn't: The origins of behavioral complexity in Homo sapiens*
13. Elena A.A. Garcea (2012)- *Successes and failures of human dispersals from North Africa*
14. Emanuele Coluccia, Irene C Mammarella, Rossana De Beni, Miriam Ittyerah, Cesare Cornoldi- (2007)- *Remembering object position in the absence of vision: Egocentric, allocentric, and egocentric decentred frames of reference.*
15. Flavia Filimon (2015)- *Are All Spatial Reference Frames Egocentric? Reinterpreting Evidence for Allocentric, Object-Centered, or World-Centered Reference Frames*
16. Frederick L. Coolidge (2006)- *The effects of the tree-to-ground sleep transition in the evolution of cognition in early Homo*
17. Gail M. Ashley Joanne C. Tactikos, R. Bernhart Owen (2009)- *Hominin use of springs and wetlands: Paleoclimate and archaeological records from Olduvai Gorge (~1.79–1.74 Ma)*
18. Hoàng Ngọc Hoa – *Không gian Kiến trúc là một quá trình/tạp chí kiến trúc*
19. Hugo Reyes-Centeno, Silvia Ghirotto, Florent Détroit, Dominique Grimaud-Hervé, Guido Barbuján, and Katerina Harvati- (2014)- *Genomic and cranial phenotype data support multiple modern human dispersals from Africa and a southern route into Asia.*
20. Huw S. Groucutt, Michael D. Petraglia, Geoff, Eleanor M.L. Scerif, Ash Parton, Clark-Balzan et al. (2019)- *Rethinking the dispersal of Homo sapiens out of Africa*
21. Ian C. Colquhoun – *Anti-Predator Strategies of Cathemeral Primates: Dealing with Predators of the Day and the Night*
22. Ian Tattersall (2009)- *Human Origins: Out of Africa*
23. Ilana B. Witten, Eric I. Knudsen (2005)- *Why Seeing Is Believing: Merging Auditory and Visual / Worlds* Department of Neurobiology Stanford University School of Medicine Stanford, California 9430
24. Jablonka, E., Lamb, M.J. *Evolution in Four Dimensions: Genetic, Epigenetic, Behavioral, and Symbolic Variation in the History of Life* Edition. MIT Press, Cambridge
25. Jacob B. Thomas (2009)- *SPATIAL MEMORY: THE ROLE OF EGOCENTRIC AND ALLOCENTRIC FRAMES OF REFERENCE*
26. Jeane Sept- (1998)- *Shadows on a Changing Landscape: Comparing Nesting Patterns of Hominids and Chimpanzees Since Their Last Common Ancestor*
27. Jessica K. Miller, Siné McDougall, Sarah Thomas and Jan Wiener (2017)- *The Impact of the Brain-Derived Neurotrophic Factor Gene on Trauma and Spatial Processing*
28. John J. Shea – (2009)- *Homo sapiens Is as Homo sapiens Was - Behavioral Variability versus "Behavioral Modernity" in Paleolithic Archaeology*
29. John McNabb (2012)- *The Importance of conveying visual Information in acheulean society. The Background To The visual display hypothesis*
30. Julia Galway-Witham, James Cole, Chris Stringer (2019)- *Aspects of human physical and behavioural evolution during the last 1 million years*
31. Julia Lehmann & Amanda H. Korstjens & R. I. M. Dunbar (2006)- *Fission–fusion social systems as a strategy for coping with ecological constraints: a primate case illustrations.*
32. Juliane Brauer, Juliane Kaminski, Julia Riedel, Josep Call, and Michael Tomasello (2014)- *Making Inferences About the Location of Hidden Food: Social Dog, Causal Ape* Max Planck Institute for Evolutionary Anthropology
33. JULIEN RIEL-SALVATORE, FABIO NEGRINO, GENEVIÈVE POTHIER BOUCHARD, A MÉLIE VALERAND, STEFANO COSTA và STEFANO BENAZZI (2022) *The 'Semi-Sterile Mousterian' of Riparo Bombrini: evidence of a late-lasting Neanderthal refugium in Liguria*
34. Jürgen Richter, Thomas Haucka, Ralf Vogel-sanga, Thomas Widlokb, Jean-Marie Le Tensorec, Peter Schmid (2012)- *Contextual areas" of early Homo sapiens and their significance for human dispersal from Africa into Eurasia between 200 ka and 70 ka*
35. Kevin N. Laland, John Odling-Smee, Sean Myles (2010)- *How culture shaped the human genome: bringing genetics and the human sciences together*
36. Laland, K.N., Odling-Smee, J., Myles, S., 2010. *How culture shaped the human*
37. Lynne A. Isbell (1994) *Predation on primates: Ecological patterns and evolutionary consequences*
38. Lynne A. Isbella, Laura R. Bidner, Eric K. Van Cleave, Akiko Matsumoto-Oda, Margaret C. Crofoot- (2018)- *GPS-identified vulnerabilities of savannah-woodland primates to leopard predation and their implications for early hominins*
39. Matt Grove, Eiluned Pearce RIM Dunbar (2011) *Fission-fusion and the evolution of hominin social systems.*
40. Mesoudi, *Culture and Synthesize the Social Sciences* / University of Chicago Press, Chicago
41. Michael FT Barnett-Cowan- (2009)- *mULTI-SENSORY SPATIAL PERCEPTION: SEX AND NEUROLOGICAL DIFFERENCES*
42. Nguyễn Khắc Sửu- (2013)- *khảo cổ học thời đại đá cũ BẮC Việt Nam / NXB KHXH*
43. Nicole Boivin, Dorian Q. Fuller, Robin Den-nell, Robin Allaby, Michael D. Petraglia (2013)- *Human Dispersal Across Diverse Environments of Asia during the Upper Pleistocene*
44. Nira Alperson-Afil và Erella Hovers- (2005) - *DIFFERENTIAL USE OF SPACE IN THE NEANDERTAL SITE OF AMUD CAVE, ISRAEL*
45. Ole Gron (1991) *A method for reconstruction of social structure in prehistoric societies and examples of practical application*
- 46a- P. A. Spikins, H. E. Rutherford, A. P. Needham- (2014)- *Compassion from the earliest archaics to modern humans* Author revision, with additional
46. Phan Huy Lê- (2015)- *lịch sử và văn hóa Việt Nam- tiếp cận bộ phận/ nxb đại học qg-hn/*
47. Raghavan P, Pathmanathan G, Talwar (2009)- *The evolution of the anatomically modern or advanced Homo sapiens: time, place, process, affinities and variations.*
48. *Reconstructing social networks of Late Glacial and Holocene hunter–gatherers to understand cultural evolution*
49. Ricard Potts (1984) - *home base and early hominids*
50. Richerson, P.J., Boyd, R. 2005. *Not by Genes Alone: How Culture Transformed Human Evolution* / University of Chicago Press, Chicago
51. Ryan J. Rabett (2018)- *The success of failed Homo sapiens dispersals out of Africa and into Asia*
52. Shahar Arzy, Daniel L. Schacter (2019)- *Self-agency and self-ownership in cognitive.*
53. Sigrid Staurset, Sheila D. Coulson, Sarah Mothulatshipi, Sallie L. Burrough, David J. Nash, David SG Thomas (2022)- *Post-depositional disturbance and spatial organization at exposed open-air sites: Examples from the Middle Stone Age of the Makgadikgadi Basin, Botswana*
54. Simon Grondin (2016)- *Psychology of Perception*
55. Stephen Blaha (2023)- *Reconstructing Prehistoric Civilizations* / Janus Institute
56. TIMOTHY P. MCNAMARA, BJÖRN RUMP, STEFFEN WERNER (2003)- *Egocentric and geocentric frames of reference in memory of large-scale space*
57. Varea C. Bemis.C- (2013)- *Encephalization, Reproduction and Life History*
58. William.H. Sewell, JR- (1996). *Historical events as transformations of structures: Inventing revolution at the Bastille* University of Chicago.
59. Yoav Gilad, Victor Wiebe, Molly Przeworski, Doron Lancet, Svante Pääbo- (2023)- *Loss of Olfactory Receptor Genes Coincides with the Acquisition of Full Trichromatic Vision in Primates.*